

CTCP Phát triển đô thị Từ Liêm (HSX: NTL)

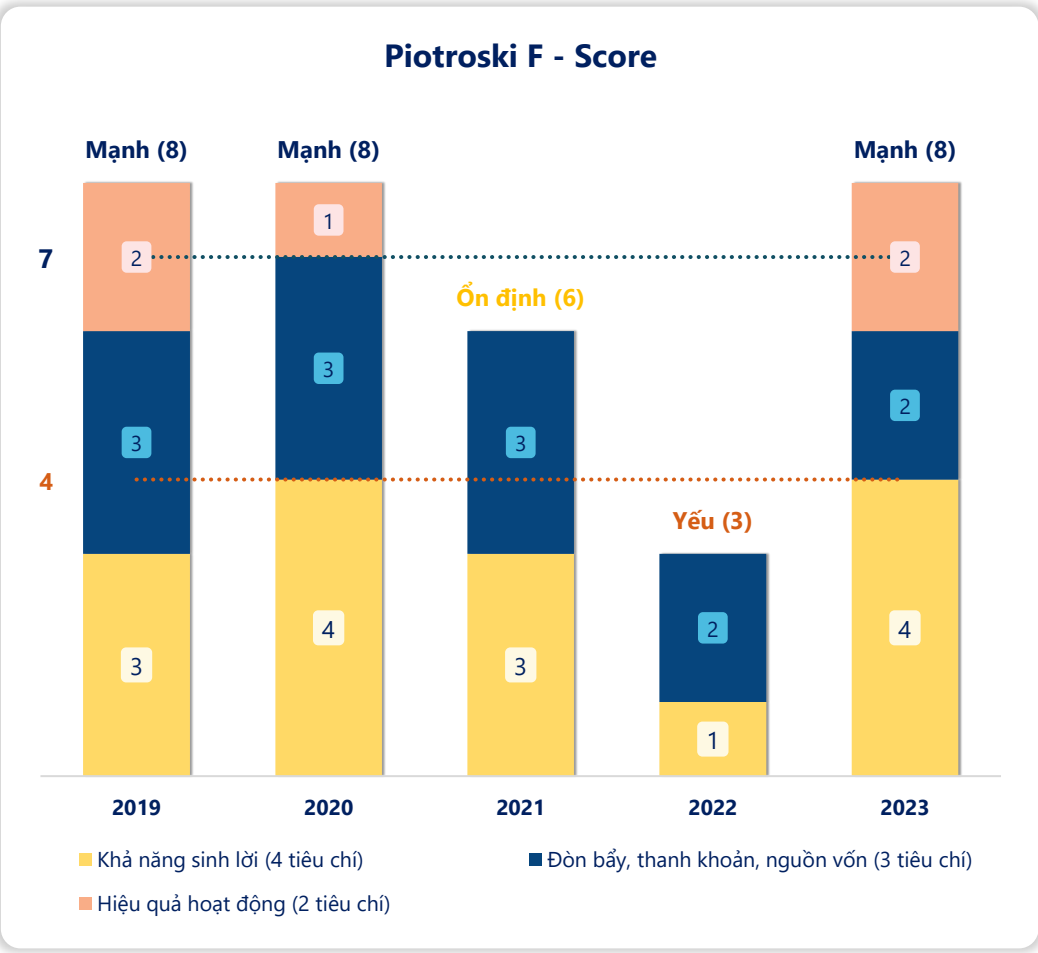
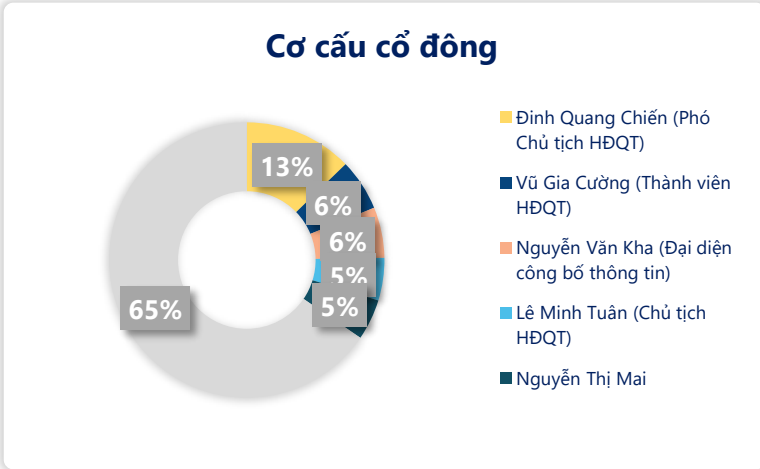
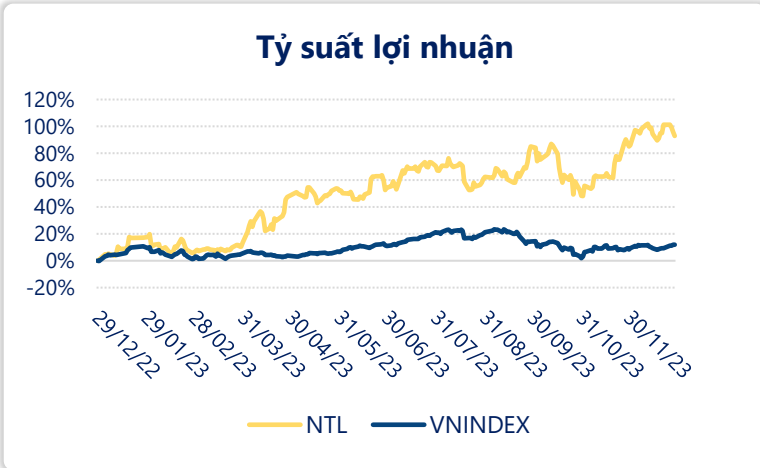
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	27,300 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.1%	10.1%	26.0%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	8/9
2023	(Mạnh)

DT thuần	2023
914	YoY
tỷ VNĐ	▲ 523
	▲ 134%

LN sau thuế	2023
364	YoY
tỷ VNĐ	▲ 257
	▲ 242%

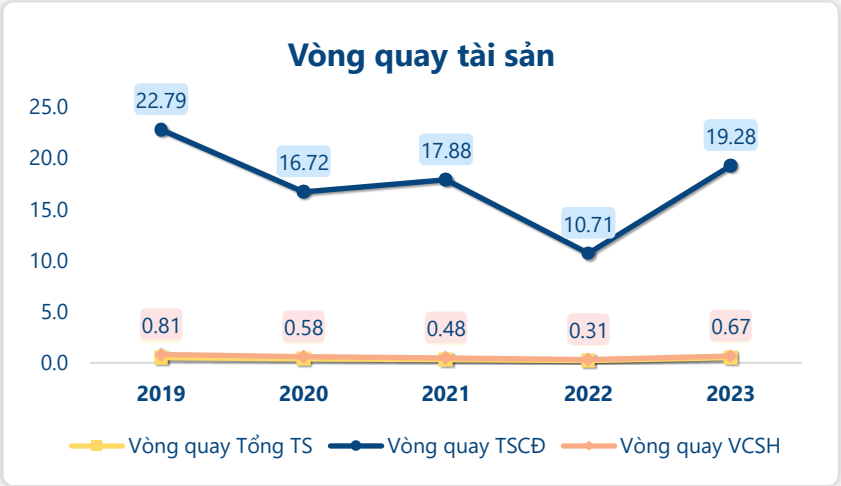
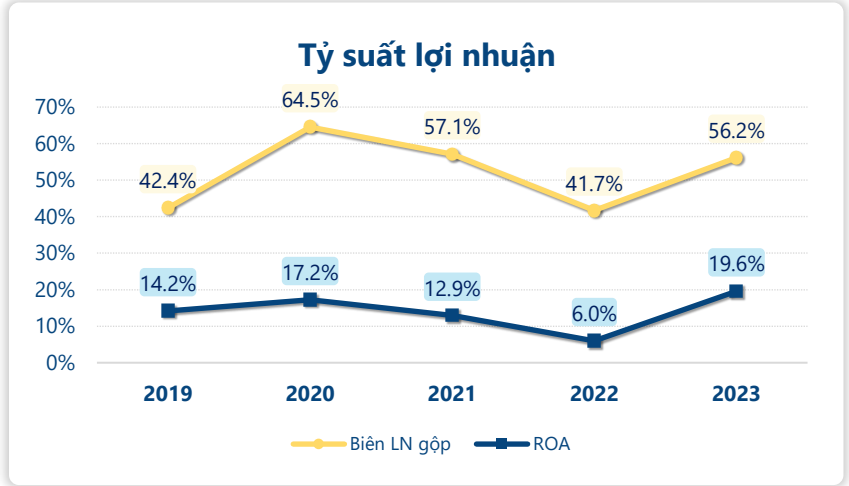
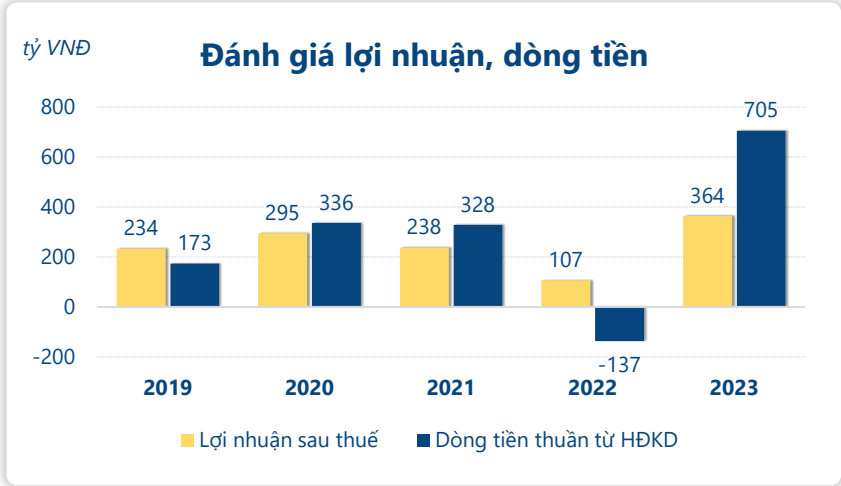


Năm **2023**, F-Score của **NTL** đạt **8/9** cao hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá tốt hơn, đạt mức "**Mạnh**".

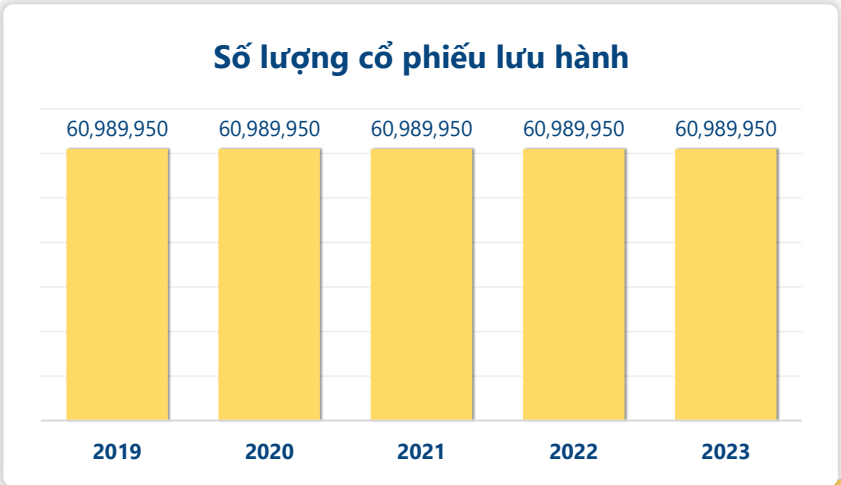
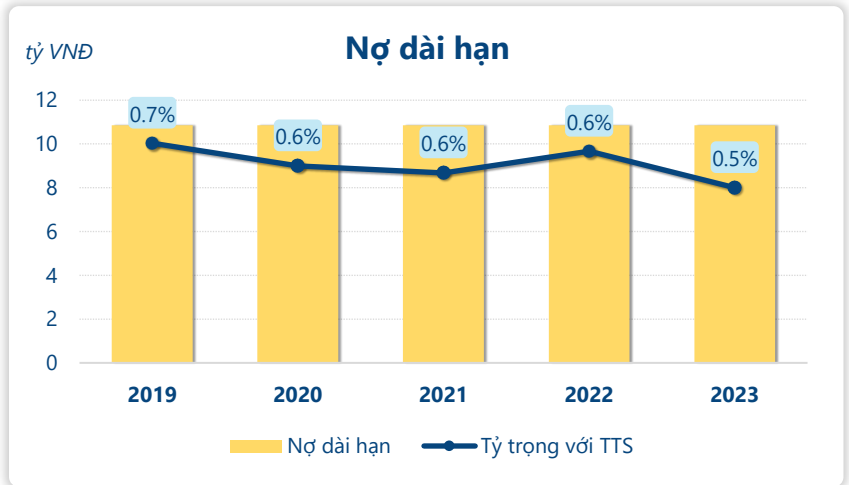
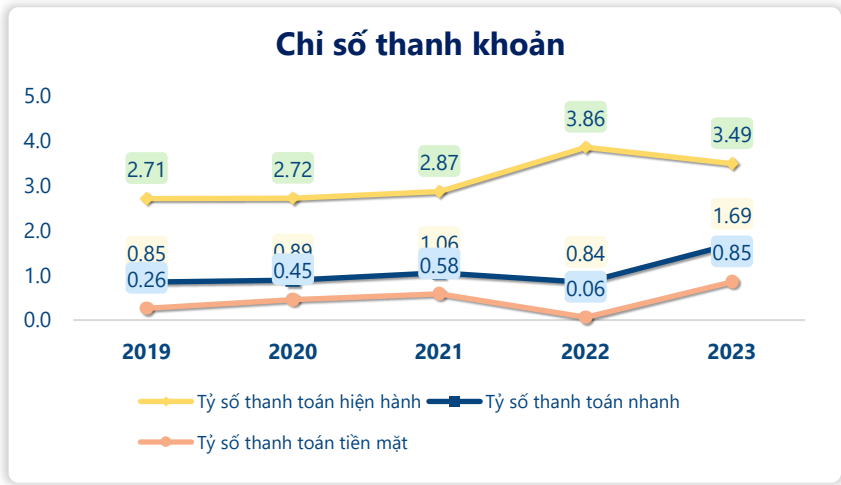
Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện **tăng lên 4/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **không thay đổi** vẫn ở mức **2/3** điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt **2/2** điểm cải thiện tốt hơn so với năm trước.

Với điểm số F-Score cao cho thấy tình hình kinh doanh ổn định và hiệu quả trong quản lý tài sản và có sự ổn định tài chính trong dài hạn. Tuy nhiên vẫn cần phải xem xét các yếu tố về tài chính và chiến lược của công ty.

CTCP Phát triển đô thị Từ Liêm (HSX: NTL)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **NTL**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	2,037	1,685	20.9%
Tài sản ngắn hạn	1,955	1,607	21.7%
Tiền và tương đương tiền	16.6	26.2	-36.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	763	56.6	1248%
Phải thu ngắn hạn	172	236	-27.2%
Hàng tồn kho	1,003	1,256	-20.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.08	31.6	-96.6%
Tài sản dài hạn	82.3	78.6	4.7%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	60.1	45.3	32.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.7	23.1	-53.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	9.53	8.31	14.7%
Tài sản dài hạn khác	1.88	1.89	-0.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	573	427	34.0%
Nợ ngắn hạn	562	416	34.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	150	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	15.6	44.4	-64.9%
Nợ dài hạn	10.9	10.9	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,465	1,258	16.4%
Vốn chủ sở hữu	1,465	1,258	16.4%
Vốn điều lệ	610	610	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	835	653	577	391	914
Giá vốn hàng bán	481	232	247	228	401
Lợi nhuận gộp	354	421	329	163	513
Doanh thu HĐTC	3.26	4.75	7.76	6.20	2.32
Chi phí TC	5.94	-1.46	-3.41	0.29	7.79
Chi phí lãi vay	5.16	1.13	0.85	0	9.01
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	11.8	28.6	8.32	5.13	1.58
Chi phí QLDN	25.5	29.2	25.2	29.7	28.7
LN thuần từ HĐKD	314	370	307	134	478
Lợi nhuận khác	-16.4	0.59	-6.44	-0.71	-16.8
LN trước thuế	297	370	301	134	461
Lợi nhuận sau thuế	234	295	238	107	364
LNST của CĐ cty mẹ	234	295	238	107	364

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	173	336	328	-137	705
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.02	4.13	30.4	-55.4	-249
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-207	-195	-276	-152	-2.76
Tiền đầu kỳ	185	143	288	371	26.2
Lưu chuyển tiền thuần	-41.5	145	82.8	-345	453
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	143	288	371	26.2	479